TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐƠN DƯƠNG** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **02/**2024/HNGĐ - ST
Ngày: 31-01-2024
V/v: "Tranh chấp về ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐƠN DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Luyện Thanh Sơn**
Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Lê Văn Hiển**
2. Bà **Nguyễn Thị Loan**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Nga** - Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng *tham gia phiên tòa*: Bà **Phan Thị Lành** - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 324/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2023 về *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2024, Quyết định hoãn phiên toà số 01/2024/QĐST-HNGĐ ngày 19/01/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Nguyên Th**, sinh năm 1995;
Địa chỉ: B27, đường số X, Phường Y, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Bị đơn: Anh **Hà Quang V**, sinh năm 1996;
Địa chỉ: thôn L, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.
(Chị Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh V vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 09/11/2023 và lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Nguyên Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hà Quang V sau thời gian tự nguyện tìm hiểu khoảng 02 năm, đến ngày 29/7/2020 đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Việc kết hôn là tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống giữa hai bên gia đình. Sau khi kết hôn thì chung sống tại gia đình nhà chồng ở thôn L, xã L, huyện Đ. Quá trình chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không chung chí hướng, thiếu tôn trọng lẫn nhau, trong

đời sống vợ chồng thì anh V không chung thủy mà có mối quan hệ với người phụ nữ khác. Ngoài ra, anh V có hành vi đánh đập chị, khiến chị tổn thương về tình cảm khủng hoảng về tinh thần. Mặc dù, nhiều lần đã thông cảm bỏ qua nhưng về phía anh V không nhận thấy khuyết điểm của mình. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hòa giải, động viên nhưng không cải thiện được mà ngày càng trầm trọng thêm. Từ tháng 6/2023, chị đã chuyển xuống Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống nên vợ chồng ly thân từ đó, không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục hàn gắn được nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Hà Quang V.

Bị đơn anh Hà Quang V trình bày: Chị Nguyễn Nguyên Th trình bày về quá trình tìm hiểu, kết hôn như trên là đúng sự thật. Anh và chị Th sau thời gian tự nguyện tìm hiểu đã tiến tới hôn nhân, đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Đ vào ngày 29/7/2020, có tổ chức lễ cưới, việc kết hôn là tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại gia đình bố mẹ anh ở thôn L, xã L, huyện Đ. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn như tính cách, lối sống của vợ chồng có nhiều khác biệt, không hoà hợp, anh thừa nhận bản thân có mối quan hệ với người phụ nữ khác, đó là nguyên nhân dẫn đến vợ chồng hay xích mích cãi vã. Ngoài ra, anh thừa nhận không kiềm chế bản thân nên có hành vi đánh chị Th. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hòa giải, động viên nhưng không cải thiện được. Tháng 6/2023, chị Th đã chuyển xuống Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống và vợ chồng ly thân từ đó. Nay trước yêu cầu ly hôn của chị Th thì anh không đồng ý. Vì không muốn đổ vỡ hôn nhân ảnh hưởng đến con cái và gia đình hai bên.

Về con chung: Chị Th, anh V cùng xác nhận có 01 người con chung là cháu Hà Nguyễn Bảo Kh, sinh ngày 30/9/2021. Hiện nay, cháu Kh đang ở với anh V. Ý kiến của chị Th, do điều kiện công tác ở xa, hơn nữa kinh tế chưa đảm bảo nuôi dưỡng con phát triển tốt nên chị đồng ý giao cháu Kh cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Ý kiến của anh V, trường hợp phải ly hôn thì anh đồng ý sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Kh cho đến khi đủ 18 tuổi. Hiện nay, anh làm nông nghiệp, thu nhập khoảng 6.000.000đ/tháng và đủ điều kiện nuôi dưỡng con phát triển tốt, anh không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Th, anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Th, anh V cùng xác nhận không có nợ chung.

Nguyên đơn, chị Th có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị đơn anh V vắng mặt không có lý do, chị Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng là nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật; riêng bị đơn anh V không chấp hành quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do đương sự giao nộp và Tòa án thu thập, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Nguyễn Nguyên Th và anh Hà Quang V được ly hôn.

Về con chung: Giao cháu Hà Nguyễn Bảo Kh cho anh Hà Quang V trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị Th, anh V không yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

Về nợ chung: Chị Th, anh V không có nợ chung nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Th khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương giải quyết ly hôn với anh V, bị đơn anh V có địa chỉ cư trú tại thôn L, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định đây là *"Tranh chấp về ly hôn"* và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về việc vắng mặt của đương sự:

Phiên tòa ngày 19 tháng 01 năm 2024, chị Th, anh V vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Th, anh V theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Th và anh V đã được UBND xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 36/2020 ngày 29/7/2020. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, thời điểm đăng ký cả hai đều đủ điều kiện kết hôn. Như vậy, quan hệ hôn nhân của chị Th, anh V là hợp pháp.

Theo lời trình bày của các bên đương sự và tài liệu thu thập có trong hồ sơ thể hiện: Chị Th, anh V chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính cách có nhiều khác biệt, không hoà hợp, thiếu tôn trọng lẫn nhau. Trong đời sống vợ chồng, anh V không chung thuỷ mà có mối quan hệ với người phụ nữ khác. Ngoài ra, anh V có hành vi đánh đập chị Th, khiến chị tổn thương về tình cảm, khủng hoảng về tinh thần. Tháng 6/2023, chị Th đã chuyển xuống Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống và vợ chồng ly thân từ đó, không ai quan tâm đến ai, người nào chỉ biết bổn phận của người ấy.

Tại biên bản xác minh ngày 27/12/2023 *(bút lục 37),* bà Ngô Hoàng O là mẹ ruột của anh V cho biết *"Vợ chồng anh V, chị Th sau khi kết hôn thì chung sống tại gia đình bà ở thôn L, xã L. Quá trình chung sống đôi lúc cũng có xảy ra xích mích, cãi vã, cố chấp lẫn nhau. Tháng 6/2023, chị Th chuyển xuống Sài Gòn sinh sống và vợ chồng ly thân từ đó.* Tại biên bản xác minh ngày 28/12/2023 *(bút lục 38),* ông Nguyễn Đình Q là trưởng thôn L, xã L, huyện Đ cho biết *"Năm 2020, anh V, chị Th đăng ký kết hôn tại UBND xã L và chung sống với nhau tại gia đình anh V. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, sau đó thì xảy ra xích mích, cãi vã nhau. Tháng 6/2023, chị Th đã chuyển xuống Sài Gòn và vợ chồng ly thân từ đó"*.

Như vậy, mâu thuẫn giữa chị Th và anh V là có xảy ra trên thực tế, vợ chồng không còn tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, mà đã sống ly thân, người nào chỉ biết bổn phận của người đó, mâu thuẫn xảy ra nhưng các bên không có biện pháp giải quyết, hàn gắn tình cảm. Quá trình giải quyết vụ án, Toà án nhiều lần động viên để các bên trở về đoàn tụ cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng chị Th vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh V. Chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa chị Th, anh V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, cho chị Th và anh V được ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Chị Th, anh V có một người con chung là cháu Hà Nguyễn Bảo Kh, sinh ngày 30/9/2021. Tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn quy định *"Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thoả thuận khác phù hợp với lợi ích của con"*. Xét thấy, đến thời điểm xét xử cháu Kh chưa đủ 36 tháng tuổi. Tuy nhiên, ý kiến chị Th đồng ý giao cháu Khg cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng, vì điều kiện công tác ở xa, hơn nữa kinh tế chưa đảm bảo nuôi dưỡng con phát triển tốt. Mặt khác, hiện nay cháu Kh đang ở với anh V và do anh V trực tiếp nuôi dưỡng. Anh V thể hiện ý kiến nếu phải ly hôn thì sẽ đồng ý là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Kh. Vì vậy, để ổn định cuộc sống của cháu Kh, Hội đồng

xét xử nhận thấy cần giao cháu Kh cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với thoả thuận của các bên đương sự và phù hợp với quy định của pháp luật, đảm bảo cho cháu có điều kiện phát triển tốt về mọi mặt. Anh V không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Th, anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Chị Th, anh V cùng xác nhận không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

[3] Về án phí: Buộc nguyên đơn chị Th phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147, 227, 228, 238, 262 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Nguyên Th đối với bị đơn anh Hà Quang V.

Cho chị Nguyễn Nguyên Th và anh Hà Quang V được ly hôn.

2.Về con chung: Giao cháu Hà Nguyễn Bảo Kh, sinh ngày 30/9/2021 cho anh Hà Quang V trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, anh Vinh không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3.Về án phí: Buộc chị Nguyễn Nguyên Th phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* đã nộp theo biên lai thu số 0002300 ngày 24/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đơn Dương (chị Thảo đã nộp đủ). Anh Hà Quang V không phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4.Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Tòa án ND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Đơn Dương;
- UBND xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Luyện Thanh Sơn